

VAI TRÒ CỦA CÔNG CỤ AI TRONG VIỆC HỖ TRỢ TÍNH TỰ CHỦ HỌC TẬP TIẾNG ANH: NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN TẠI PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THE ROLE OF AI TOOLS IN SUPPORTING LEARNER AUTONOMY IN ENGLISH LEARNING: STUDENTS' PERCEPTIONS AT FOREIGN TRADE UNIVERSITY, HO CHI MINH CITY CAMPUS

Vương Lý Tố Như⁺,
Đào Quốc Phương,
Phạm Thanh Tuấn

Phân hiệu Trường Đại học Ngoại thương tại Thành phố Hồ Chí Minh
+ Tác giả liên hệ • Email: vuonglytonhu.hcmc@ftu.edu.vn

Article history

Received: 08/4/2026

Accepted: 29/4/2026

Published: 05/7/2026

Keywords

Artificial Intelligence, AI tools, learner autonomy, English learning, mixed methods, perceptions

ABSTRACT

The widespread use of technology has opened up new approaches to enhance teaching and learning effectiveness. This development has fostered the prevalence of Artificial Intelligence (AI)-powered tools, which have had a significant impact on university students' English language learning. While previous studies have primarily emphasized the role of AI in improving language skills, limited research has examined its impact on learner autonomy. Therefore, this study aims to explore students' perceptions of the relationship between the use of AI tools and the components of learner autonomy in English language learning. A mixed-methods approach was employed, combining quantitative data collected through a questionnaire and qualitative data from open-ended questions. Survey data from 186 students at the Ho Chi Minh City Campus of the Foreign Trade University were analyzed using SPSS and thematic analysis. The findings indicate that students hold positive perceptions of the role of AI in supporting learner autonomy, particularly in terms of self-directed learning, self-assessment, and intrinsic motivation. Additionally, the study identifies several challenges in fostering learner autonomy and offers practical implications for policymakers and educators in integrating AI into higher education.

1. Mở đầu

Sự phát triển nhanh chóng của Trí tuệ nhân tạo (AI) đã tạo ra những thay đổi đáng kể trong giáo dục, đặc biệt trong việc học tiếng Anh, khi các công cụ như ChatGPT, Grammarly và Gemini cung cấp phản hồi tức thì, cá nhân hóa nội dung và hỗ trợ học tập linh hoạt. Trong bối cảnh đó, tính tự chủ học tập - được hiểu là khả năng người học chủ động kiểm soát quá trình học thông qua việc thiết lập mục tiêu, lựa chọn chiến lược và tự đánh giá tiến độ (Holec, 1981), sau này được mở rộng với ba khía cạnh kiểm soát chính: hành vi, nhận thức và nội dung học tập (Benson, 2011) - ngày càng trở thành một mục tiêu quan trọng của giáo dục ngôn ngữ hiện đại (Lai, 2021; Rahmasari và cộng sự, 2025). Mặc dù các nghiên cứu trước đây đã khẳng định vai trò tích cực của AI trong việc cải thiện kỹ năng ngôn ngữ, vẫn còn thiếu các nghiên cứu xem xét nhận thức của sinh viên (SV) về mối liên hệ giữa AI với các khía cạnh khác nhau của tính tự chủ học tập. Do đó, nghiên cứu này nhằm khám phá nhận thức của SV về mối liên hệ giữa việc sử dụng AI và tính tự chủ học tập trong quá trình học tiếng Anh, tập trung vào ba khía cạnh chính: học tập tự định hướng, tự đánh giá và động lực nội tại, đồng thời làm rõ những thách thức mà người học gặp phải khi sử dụng các công cụ này.

Các nghiên cứu trước đây về ứng dụng AI trong học tiếng Anh có thể được chia thành ba hướng chính. Hướng thứ nhất tập trung vào vai trò của AI trong việc hỗ trợ phát triển kỹ năng ngôn ngữ, giúp người học cải thiện ngữ pháp, từ vựng và kỹ năng viết (Shi và Aryadoust, 2024; Nguyễn Thị Linh Nga, 2025; Thao và cộng sự, 2025). Hướng thứ hai nhấn mạnh nhận thức của người học đối với AI, trong đó SV thường đánh giá cao tính tiện lợi, khả năng tiếp cận và mức độ hữu ích của các công cụ này (Little, 2022; Teng và Zhang, 2023), nhưng cũng lo ngại về độ chính xác của nội dung do AI tạo ra và nguy cơ phụ thuộc vào công nghệ (Chan và Hu, 2023; Phạm và Tran, 2025). Gần đây, một số nghiên cứu cho thấy SV có nhận thức tích cực về việc sử dụng AI để phát triển tính tự chủ học tập. Cụ thể, AI được nhìn nhận như một công cụ hỗ trợ học tập tự định hướng bằng cách cho phép người học truy cập tức

thời vào các lời giải thích, ví dụ minh họa và tài liệu luyện tập, giúp giải quyết vấn đề học tập một cách độc lập hơn (Chen và cộng sự, 2020; Crompton và Burke, 2023; Lê Anh Vinh và Trần Mỹ Ngọc, 2024). Ngoài ra, AI hỗ trợ người học đánh giá tiến độ, nhận diện điểm mạnh và điểm yếu, đồng thời điều chỉnh chiến lược học tập thông qua phản hồi về ngữ pháp, từ vựng và phát âm (Zhai, 2023; Nguyễn Thị Linh Nga, 2025). Khả năng cá nhân hóa nội dung và phản hồi của AI cũng góp phần nâng cao động lực nội tại khi người học cảm thấy quá trình học phù hợp với nhu cầu và năng lực cá nhân (Zhai, 2023; Hmoud và cộng sự, 2024).

Trên cơ sở mục tiêu nghiên cứu về nhận thức của SV đối với việc sử dụng AI trong phát triển tính tự chủ học tập tiếng Anh, nghiên cứu này lựa chọn khung lý thuyết tích hợp, kết hợp giữa lý thuyết Tự chủ học tập (Holec, 1981; Benson, 2011), lý thuyết Tự quyết (Ryan và Deci, 2020) và Mô hình Chấp nhận Công nghệ (Davis, 1989). Lý thuyết Tự chủ học tập cung cấp nền tảng để phân tích các thành tố cốt lõi như đặt mục tiêu, lựa chọn chiến lược, tự giám sát và tự đánh giá. Từ đó, “Học tập tự định hướng” (Self-directed learning) và “Tự đánh giá” (Self-assessment) được lựa chọn để phân tích khía cạnh hành vi, nhận thức và nội dung học tập. Tuy nhiên, cách tiếp cận này chưa lý giải đầy đủ các yếu tố động lực bên trong của người học. Vì vậy, lý thuyết Tự quyết được tích hợp nhằm bổ sung góc nhìn về “Động lực nội tại” (Intrinsic motivation), đặc biệt là ba nhu cầu tâm lý cơ bản: tính tự chủ, năng lực và sự gắn kết. Bên cạnh đó, Mô hình Chấp nhận Công nghệ giúp phân tích nhận thức của SV về tính hữu ích và tính dễ sử dụng của AI, những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ chấp nhận và tích hợp công nghệ vào quá trình học tập. Dựa trên khung phân tích này, nghiên cứu tập trung trả lời ba câu hỏi: (1) Nhận thức chung của SV về việc sử dụng AI khi học tiếng Anh là gì? (2) Việc sử dụng AI ảnh hưởng như thế nào đến nhận thức của SV về các thành tố của tính tự chủ học tập trong việc học tiếng Anh? (3) Những thách thức mà SV gặp phải khi sử dụng AI trong việc học tiếng Anh là gì?

Nghiên cứu này hi vọng góp phần làm rõ nhận thức của SV về vai trò của AI trong việc thúc đẩy tính tự chủ học tập tiếng Anh, đồng thời cung cấp bằng chứng thực nghiệm từ bối cảnh giáo dục đại học tại Việt Nam thông qua việc kết hợp dữ liệu định lượng và định tính.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện tại Phân hiệu Trường Đại học Ngoại thương tại TP. Hồ Chí Minh, sử dụng phương pháp hỗn hợp nhằm khảo sát nhận thức của SV về ảnh hưởng của công cụ AI trong việc nâng cao tính tự chủ học tập tiếng Anh. Phương pháp này được lựa chọn nhằm kết hợp ưu điểm của dữ liệu định lượng trong việc đo lường xu hướng chung và dữ liệu định tính trong việc giải thích sâu hơn quan điểm của người học. Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện (convenience sampling) kết hợp có chủ đích (purposive sampling), với tiêu chí lựa chọn gồm: (1) SV đang theo học các học phần tiếng Anh Học thuật và Thương mại tại trường, (2) đã có kinh nghiệm sử dụng ít nhất một công cụ AI như ChatGPT, Grammarly, Gemini, QuillBot và các công cụ khác. Mẫu nghiên cứu gồm 186 SV năm thứ nhất và năm thứ hai thuộc nhiều chuyên ngành khác nhau. Việc tham gia nghiên cứu hoàn toàn tự nguyện; mọi phản hồi được ẩn danh, dữ liệu được lưu trữ bảo mật và chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

Bảng 1. Bảng tóm tắt thông tin người tham gia

	Số lượng	Phần trăm		Số lượng	Phần trăm
Ngành học:			Năm học:		
Kinh tế đối ngoại	59	31,7	Năm nhất	101	54,3
Quản trị kinh doanh	64	34,4	Năm hai	85	45,7
Kế toán - Kiểm toán	49	26,4			
Tài chính ngân hàng	14	7,5			
Tổng	186	100,0	Tổng	186	100,0

Về công cụ nghiên cứu, bảng hỏi được xây dựng dựa trên khung lý thuyết tích hợp giữa Tự chủ học tập, Tự quyết và Mô hình Chấp nhận Công nghệ. Phần A thu thập thông tin nhân khẩu học gồm năm học, chuyên ngành, tần suất sử dụng AI (Likert 4 mức: 1=hiếm khi đến 4=luôn luôn), cũng như công cụ AI được dùng. Phần B và C lần lượt khảo sát nhận thức của SV về học tập tự định hướng và tự đánh giá. Phần D khảo sát động lực nội tại. Phần E đề cập những thách thức trong việc sử dụng AI. Bảng hỏi sử dụng thang đo Likert 5 mức (1=hoàn toàn không đồng ý đến 5=hoàn toàn đồng ý). Ngoài ra, hai câu hỏi mở thêm vào nhằm thu thập dữ liệu định tính, giúp làm rõ và bổ sung kết quả định lượng. Đặc biệt, các thành phần cốt lõi của Mô hình Chấp nhận Công nghệ được tích hợp xuyên suốt trong bảng hỏi, thông qua các mục liên quan đến hiệu quả học tập, mức độ dễ sử dụng và xu hướng duy trì sử dụng AI.

Các mục hỏi được tham khảo và điều chỉnh từ các nghiên cứu trước, sau đó được dịch sang tiếng Việt theo quy trình dịch xuôi và dịch ngược (forward-backward translation) để đảm bảo tính tương đương ngữ nghĩa. Tiếp theo,

bảng hỏi được rà soát nội dung với sự tham gia của các chuyên gia trong lĩnh vực giảng dạy và nghiên cứu ngôn ngữ. Cuối cùng, một nghiên cứu thử nghiệm được tiến hành với một nhóm nhỏ SV để kiểm tra độ rõ ràng của câu hỏi, độ ổn định của thang đo và phát hiện các vấn đề tiềm ẩn trước khi triển khai chính thức.

Bảng hỏi được thiết kế trên Google Forms và gửi trực tuyến cho SV thông qua đường link: bit.ly/4vN2btT. Khảo sát được tiến hành vào tháng 01/2026. Dữ liệu định lượng được phân tích bằng phần mềm SPSS, bao gồm thống kê mô tả, phân tích tương quan Pearson và phân tích hồi quy. Giá trị trung bình cũng được tính toán nhằm xác định mức độ nhận thức chung của SV. Dữ liệu định tính bao gồm các phản hồi từ câu hỏi mở được tổng hợp và phân tích chủ đề (thematic analysis) thông qua mã hóa dữ liệu, xác định và phát triển các chủ đề chính từ các mẫu lặp lại trong câu trả lời. Các kết quả này được đối chiếu với kết quả định lượng nhằm tăng cường độ tin cậy của nghiên cứu thông qua phương pháp đối chiếu dữ liệu.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Dữ liệu định lượng

Câu hỏi 1: Nhận thức chung của SV về việc sử dụng AI khi học tiếng Anh là gì?: Công cụ khảo sát cho thấy độ tin cậy giữa các câu phần chính của bảng hỏi khá cao, dao động từ 0,855 - 0,960 (xem bảng 2). Tất cả các thang đo đều đạt được độ tin cậy theo mức đánh giá cho hệ số Cronbach's Alpha được đề xuất bởi Hair và cộng sự (2010) như sau: $\geq 0,90$: rất tốt; 0,80 - 0,89: tốt; 0,70 - 0,79: chấp nhận được; 0,60 - 0,69: còn nghi vấn; $< 0,60$: kém.

Bảng 2. Bảng phân tích Cronbach's Alpha

	Số lượng mục trong bảng hỏi	Cronbach's Alpha
Học tập tự định hướng (SD)	8	0,954
Tự đánh giá (SA)	8	0,952
Động lực nội tại (IM)	8	0,960
Thách thức (CH)	4	0,855

Ngoài ra, kết quả phân tích nhân tố khám phá (EFA) cho thấy thang đo có độ tin cậy, với chỉ số KMO đạt 0,905 và kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê ($p < 0,001$), khẳng định dữ liệu phù hợp để phân tích nhân tố. Phân tích trích xuất được 4 nhân tố với tổng phương sai giải thích đạt 76,4% ($> 50\%$), cho thấy mô hình có khả năng giải thích tốt. Các hệ số tải nhân tố dao động từ 0,573 đến 0,836 ($> 0,5$) và các giá trị communalities đều ở mức cao, chứng tỏ các biến quan sát hội tụ tốt vào các nhân tố tương ứng (Hair và cộng sự, 2010). Nhìn chung, kết quả EFA xác nhận cấu trúc thang đo phù hợp với mô hình lý thuyết và đảm bảo độ tin cậy cũng như giá trị hội tụ.

Trong tổng số 186 SV, 24,2% cho biết họ luôn luôn sử dụng AI trong việc học tiếng Anh, 32,8% thường xuyên sử dụng các công cụ này và 30,1% thỉnh thoảng dùng. Chỉ có 24 SV (12,9%) hiếm khi sử dụng các công nghệ này. Điều này cho thấy AI đã trở thành một công cụ tương đối phổ biến trong bối cảnh học tập của SV, đồng thời cho thấy đa số người tham gia có đủ trải nghiệm thực tế để hình thành nhận thức về vai trò của AI trong học tập.

Nhìn chung, SV có thái độ tích cực ở mức trung bình đối với việc sử dụng AI để nâng cao tính tự chủ học tiếng Anh. Giá trị trung bình của các mục liên quan đến thái độ dao động từ 3,19 đến 3,61 trên thang Likert 5 điểm (xem bảng 3). Trong đó, nhận thức của SV không đồng nhất mà có xu hướng mạnh hơn ở khía cạnh hành vi (học tập tự định hướng và tự đánh giá) so với khía cạnh tâm lý (động lực nội tại), đồng thời đi kèm với những lo ngại đáng kể (thách thức).

Câu hỏi 2: Việc sử dụng AI ảnh hưởng như thế nào đến nhận thức của SV về các thành tố của tính tự chủ học tập trong việc học tiếng Anh?: Để làm rõ mối quan hệ giữa các thành tố của tính tự chủ học tập, phân tích tương quan Pearson được thực hiện và kết quả được trình bày trong bảng 3.

Bảng 3. Ma trận tương quan Pearson giữa các thang đo ($N = 186$)

Biến	1	2	3	4
Học tập tự định hướng (SD)	1			
Tự đánh giá (SA)	0,734**	1		
Động lực nội tại (IM)	0,646**	0,768**	1	
Thách thức (CH)	0,501**	0,480**	0,592**	1

Chú thích: **: Tương quan có ý nghĩa thống kê ở mức 0,01 (kiểm định 2 phía)

Kết quả cho thấy các thang đo có mối liên hệ chặt chẽ và có ý nghĩa thống kê ($p < 0,001$). Theo Cohen (1988), các hệ số tương quan này nằm ở mức trung bình đến mạnh. Cụ thể, SD có tương quan mạnh với SA ($r = 0,734$) và tương quan mức trung bình - mạnh với IM ($r = 0,646$), cho thấy tồn tại mối liên hệ chặt chẽ giữa học tập chủ động và khả năng tự đánh giá, cũng như động lực học tập. Đồng thời, SA cũng có mối tương quan mạnh với IM ($r = 0,768$), cho thấy việc theo dõi và điều chỉnh quá trình học có liên hệ mật thiết với động lực học tập bên trong. Ngoài

ra, CH cũng có tương quan dương ở mức trung bình với các thang đo còn lại, cho thấy SV nhận thức rõ những khó khăn khi sử dụng AI bên cạnh các lợi ích mà AI mang lại.

Bảng 4. Bảng phân tích điểm trung bình của các thành tố học tập tự chủ

Câu hỏi	M
Học tập tự định hướng	
1. Công cụ AI giúp tôi thiết lập các mục tiêu học tiếng Anh.	3,48
2. Tôi chọn nội dung học tập cho mình khi dùng AI.	3,49
3. Công cụ AI cung cấp tài liệu học phù hợp với mục tiêu học tập của tôi.	3,42
4. Công cụ AI giúp tôi tổ chức hoạt động học tập dễ dàng hơn.	3,58
5. Công cụ AI cho phép tôi học theo tốc độ của riêng mình.	3,45
6. Công cụ AI khuyến khích tôi tự tìm thêm tài liệu học.	3,19
7. Tôi thấy tự tin khi học tiếng Anh với công cụ AI.	3,33
8. Tôi có kế hoạch tiếp tục dùng AI cho việc học tiếng Anh.	3,40
Tự đánh giá	
9. Công cụ AI giúp tôi nhận ra điểm mạnh và yếu của mình.	3,61
10. Tôi dùng phản hồi từ AI để kiểm tra tiến độ học tập của mình.	3,46
11. Phản hồi từ AI giúp tôi biết nội dung học của mình có phù hợp hay không.	3,45
12. Công cụ AI giúp tôi dễ dàng tự kiểm tra việc học của mình.	3,48
13. Tôi có thể quyết định nội dung do AI tạo ra có phù hợp với trình độ của tôi hay không.	3,39
14. Công cụ AI giúp tôi thay đổi phương pháp học và lựa chọn nội dung học tốt hơn.	3,48
15. Công cụ AI giúp tôi tự tin hơn khi kiểm tra bài làm của mình.	3,46
16. Tôi kiểm tra tiến độ học tập thường xuyên hơn vì AI cung cấp phản hồi nhanh.	3,48
Động lực nội tại	
17. Tôi thấy hứng thú hơn khi học tiếng Anh với công cụ AI.	3,41
18. Công cụ AI khiến việc học tiếng Anh trở nên hấp dẫn.	3,38
19. Công cụ AI giúp tôi tự tin hơn khi học tiếng Anh.	3,39
20. Tôi có động lực học vì tôi có thể kiểm soát quá trình học tiếng Anh của mình.	3,41
21. Công cụ AI giúp việc học tiếng Anh trở nên ít căng thẳng.	3,43
22. Tôi thích sử dụng công cụ AI vì chúng hữu ích trong việc đạt mục tiêu học tập.	3,52
23. Tôi sử dụng công cụ AI vì tôi muốn cải thiện khả năng tiếng Anh của bản thân.	3,32
24. Tôi sẽ tiếp tục sử dụng công cụ AI vì chúng giúp tôi duy trì động lực học tập.	3,43

Kết quả cho thấy tất cả câu hỏi đều có điểm trung bình tương đối cao ($M = 3,19 - 3,61$), cho thấy SV có nhận thức tích cực về vai trò hỗ trợ của AI trong việc nâng cao tính tự chủ học tiếng Anh. Về học tập tự định hướng, điểm trung bình dao động từ 3,19 đến 3,58, cho thấy SV có xu hướng cho rằng AI hỗ trợ thiết lập mục tiêu, tổ chức hoạt động học và kiểm soát tiến độ học tập. Trong đó, khả năng tổ chức hoạt động học tập ($M = 3,58$) được đánh giá cao nhất, trong khi việc khuyến khích tự tìm thêm tài liệu thấp hơn ($M = 3,19$), cho thấy mức độ chủ động mở rộng học tập chưa thực sự mạnh. Đối với tự đánh giá, điểm trung bình từ 3,39 đến 3,61, cho thấy SV nhìn nhận AI là công cụ hữu ích trong việc theo dõi và đánh giá quá trình học tập, đặc biệt là vai trò nhận diện điểm mạnh và điểm yếu ($M = 3,61$). Tuy nhiên, việc tự quyết định mức độ phù hợp của nội dung do AI tạo ra còn thấp ($M = 3,39$). Đối với động lực nội tại, điểm trung bình dao động từ 3,32 đến 3,52, cho thấy SV có xu hướng nhận thức rằng AI góp phần làm cho việc học trở nên thú vị và ít căng thẳng hơn, nhưng tác động đến cảm nhận về năng lực cá nhân vẫn ở mức vừa phải ($M = 3,32$).

Bảng 5. Bảng phân tích hồi quy của các nhóm biến phụ thuộc

Biến phụ thuộc	Biến độc lập	Hệ số hồi quy gốc (B)	Hệ số hồi quy chuẩn hoá (β)	t	F	R ²
Học tập tự định hướng	Tần suất sử dụng AI	0,465	0,586	9,812	96,268	0,343
Tự đánh giá	Tần suất sử dụng AI	0,333	0,438	6,609	43,684	0,192
Động lực nội tại	Tần suất sử dụng AI	0,318	0,407	6,043	36,524	0,166

Chú thích: Tần suất sử dụng AI được đo trên thang Likert 4 mức (1=hiếm khi, 2=thỉnh thoảng, 3=thường xuyên, 4=luôn luôn)

Kết quả phân tích hồi quy cho thấy tần suất sử dụng AI có mối liên hệ dương và có ý nghĩa thống kê với cả 3 thành tố của tự chủ học tập. Trong đó, các giá trị β nằm trong khoảng 0,40 - 0,50+, thể hiện sức ảnh hưởng mạnh. Giá trị kiểm định $t > 5$ đi đôi với $p < 0,001$ cho thấy ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê. Ngoài ra, R^2 giúp giải thích sự biến thiên của biến phụ thuộc ($< 0,10$: yếu; $0,10 - 0,25$: thấp; $0,25 - 0,50$: trung bình; $> 0,50$: mạnh) và giá trị F lớn cho thấy mô hình hồi quy có độ phù hợp tốt và giải thích đáng kể biến phụ thuộc. Các giả định hồi quy cơ bản đều được đáp ứng (tuyến tính, phân phối chuẩn của phần dư, không tự tương quan và phương sai không đổi), do đó kết

quả hồi quy là đáng tin cậy. Cụ thể, tần suất sử dụng AI có mối liên hệ mạnh nhất với học tập tự định hướng ($\beta = 0,586$), tiếp theo là tự đánh giá ($\beta = 0,438$) và động lực nội tại ($\beta = 0,407$). Các giá trị R^2 cho thấy tần suất sử dụng AI giải thích 34,3% phương sai của học tập tự định hướng, 19,2% của tự đánh giá và 16,6% của động lực nội tại, phản ánh mức độ giải thích từ thấp đến trung bình trong bối cảnh nghiên cứu giáo dục. Tuy nhiên, tần suất sử dụng AI chỉ ở mức tiếp xúc công nghệ, không đại diện cho chất lượng sử dụng và cách thức sử dụng AI trong học tập.

Nhìn chung, các phát hiện cho thấy SV có nhận thức tích cực về mối liên hệ giữa việc sử dụng AI và tính tự chủ học tập, mặc dù mức độ này khác nhau giữa các thành tố. Cụ thể, AI phản ánh vai trò hỗ trợ ở khía cạnh hành vi và nhận thức, song còn hạn chế ở khía cạnh động lực nội tại.

Câu hỏi 3: Những thách thức mà SV gặp phải khi sử dụng AI trong việc học tiếng Anh là gì?: Bên cạnh những nhận thức tích cực, dữ liệu bảng hỏi cũng cho thấy SV nhận ra những thách thức của việc dùng AI trong quá trình học tập.

Bảng 6. Bảng phân tích điểm trung bình các thách thức của việc dùng AI học tiếng Anh

Thách thức (CH)	M
25. Đôi khi tôi phụ thuộc quá nhiều vào công cụ AI trong việc học.	3,71
26. Tôi thấy khó kiểm tra nội dung do AI tạo ra có chính xác hay không.	3,63
27. Các vấn đề kỹ thuật đôi khi ảnh hưởng đến việc sử dụng công cụ AI của tôi.	3,56
28. Việc sử dụng công cụ AI đôi khi khiến tôi suy nghĩ ít hơn hoặc kém sáng tạo hơn.	3,82

Các mục phân này có điểm trung bình cao nhất ($M = 3,56 - 3,82$), cho thấy SV nhận thức rõ về các hạn chế của AI, đặc biệt ở các khía cạnh giảm tư duy sáng tạo ($M = 3,82$), sự phụ thuộc quá mức vào công cụ ($M = 3,71$), cũng như khó kiểm chứng độ chính xác của thông tin do AI tạo ra ($M = 3,63$). Ngoài ra, các vấn đề kỹ thuật cũng gây trở ngại đáng kể cho SV trong việc dùng AI học tiếng Anh ($M = 3,56$). Kết quả này phần nào tương thích với nhận định của Chan và Hu (2023), Phạm và Tran (2025) về những mối lo ngại của người học khi ứng dụng công cụ AI trong học tập.

3.2. Dữ liệu định tính

Kết quả phân tích cho thấy SV nhìn chung nhận thức AI như một công cụ học tập hiệu quả và tiện lợi. Các phản hồi được chia thành những chủ đề chính (xem bảng 7), cho thấy AI được đánh giá cao về tốc độ và tính thuận tiện trong việc tiếp cận kiến thức.

Bảng 7. Bảng tóm tắt các chủ đề về nhận thức chung của SV về công cụ AI

Chủ đề	Minh họa từ dữ liệu
AI là công cụ học nhanh và tiện lợi	“học nhanh”, “tìm câu trả lời nhanh chóng”, “nhanh và tiện lợi”
Dễ sử dụng	“dễ dùng”
Hỗ trợ cá nhân hoá học tập	“sửa lỗi bài viết”, “dịch đoạn văn”
Tạo môi trường học chủ động	“học tự chủ”, “học chủ động”

Ngoài ra, SV cho rằng việc sử dụng AI có mối liên hệ hai chiều với tính tự chủ học tập. Ở khía cạnh tích cực, nhiều SV cho rằng AI hỗ trợ việc học tập tự định hướng thông qua khả năng cung cấp tài liệu, gợi ý ý tưởng và phản hồi tức thì, từ đó giúp họ chủ động hơn trong việc lập kế hoạch, thực hành và tự đánh giá. Điều này phù hợp với các kết quả từ Crompton và Burke (2023) và Zhai (2023). Tuy nhiên, một xu hướng đáng chú ý là hiện tượng “tự chủ giả”, khi SV cho rằng việc sử dụng AI đôi khi dẫn đến hành vi tìm đáp án nhanh thay vì thực sự tham gia vào quá trình xử lý thông tin. Điều này được phản ánh qua việc phụ thuộc vào AI để hoàn thành nhiệm vụ. Do đó, mặc dù SV nhận thức AI có tiềm năng hỗ trợ tính tự chủ học tập, họ cũng nhận ra việc sử dụng AI thiếu định hướng có thể làm giảm chất lượng của quá trình học tập tự chủ.

Bảng 8. Bảng tóm tắt các chủ đề về nhận thức của SV với mối liên hệ giữa AI và tính tự chủ học tập

Chủ đề	Minh họa từ dữ liệu
Tăng cường học tập tự định hướng	“tự chủ động việc học”, “học tập chủ động”
Hỗ trợ tự đánh giá	“chỉ ra lỗi sai”, “đề xuất giải pháp”
Tăng khả năng tiếp cận tài liệu	“tìm tài liệu nhanh”, “cung cấp tài liệu học đa dạng”
Tự chủ giả	“tìm đáp án nhanh”, “học thụ động”

Đối với thách thức, chủ đề tập trung vào các nhóm chính: sự phụ thuộc, suy giảm năng lực tư duy, độ tin cậy của thông tin, và chất lượng nội dung. Trong đó, hiện tượng phụ thuộc vào AI xuất hiện với tần suất cao nhất, với nhiều SV thừa nhận rằng họ “dễ bị phụ thuộc” vào công cụ AI. Điều này kéo theo hệ quả là “lười suy nghĩ”, “giảm khả năng tư duy” và “giảm tính sáng tạo”. Bên cạnh đó, nhiều SV cũng lo ngại về độ tin cậy của nội dung do AI tạo ra, thể hiện qua “khó kiểm chứng nguồn gốc thông tin” và “kiểm tra lại”. Các kết quả này cũng phù hợp với kết quả từ nghiên cứu của Chan và Hu (2023), cũng như Phạm và Tran (2025).

Bảng 9. Bảng tóm tắt các chủ đề về những thách thức khi sử dụng AI

Chủ đề	Minh họa từ dữ liệu
Phụ thuộc vào AI	“dễ bị phụ thuộc”, “dễ lười biếng”
Giảm tư duy và sáng tạo	“lười suy nghĩ”, “giảm khả năng tư duy”, “giảm tính sáng tạo”
Độ tin cậy và tính chính xác	“khó kiểm chứng thông tin”, “kiểm tra lại”
Chất lượng nội dung chưa phù hợp	“đáp án không sát”, “câu trả lời chung chung”

Như vậy, kết quả phân tích định tính nhìn chung phù hợp và bổ trợ cho các phát hiện định lượng. Cụ thể, SV không chỉ đánh giá AI tích cực trên thang đo ($M = 3,19 - 3,61$) mà còn thể hiện rõ nhận thức này qua các phản hồi như “học nhanh”, “tiện lợi” và “dễ dùng”. Đồng thời, các chủ đề về hỗ trợ học tập tự định hướng và tự đánh giá cũng nhất quán với kết quả định lượng. Tuy nhiên, dữ liệu định tính cung cấp thêm chiều sâu khi làm rõ hiện tượng “tự chủ giả” và các thách thức như phụ thuộc và độ tin cậy thông tin. Nhìn chung, nhận thức của SV mang tính cân bằng, vừa ghi nhận lợi ích vừa ý thức rõ hạn chế của AI trong học tập.

3.3. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy SV có nhận thức tích cực về vai trò của AI với tính tự chủ học tập, đặc biệt là học tập tự định hướng, tự đánh giá và động lực nội tại. Phát hiện này phù hợp với khung lý thuyết về Tính tự chủ học tập, trong đó nhấn mạnh vai trò của người học trong việc kiểm soát mục tiêu, nội dung và tiến trình học tập. Đồng thời, từ góc độ Mô hình Chấp nhận Công nghệ, SV đánh giá AI là một công cụ có tính hữu ích cao trong việc hỗ trợ học tập, cũng như dễ sử dụng trong việc tiếp cận và xử lý thông tin. Hai yếu tố này góp phần hình thành thái độ tích cực và mức độ chấp nhận công nghệ trong bối cảnh học tập hiện nay.

Đối với tính tự chủ học tập, SV cho rằng AI hỗ trợ họ trong việc thiết lập mục tiêu, lựa chọn nội dung học và điều chỉnh tiến độ học tập, đồng thời cung cấp phản hồi giúp họ theo dõi và cải thiện kết quả học tập. Những nhận thức này tương đồng với các nghiên cứu trước về việc ứng dụng AI trong giáo dục. Tuy nhiên, mức độ nhận thức không đồng đều giữa các thành tố. SV có xu hướng nhận thức rõ hơn vai trò của AI trong các khía cạnh mang tính hành vi và nhận thức so với các khía cạnh mang tính tâm lý sâu hơn như động lực nội tại. Điều này có thể được lý giải dựa trên lý thuyết Tự Quyết, khi động lực nội tại phụ thuộc vào các nhu cầu tâm lý sâu như năng lực, tự chủ và sự gắn kết, những yếu tố mà công cụ công nghệ khó có thể đáp ứng đầy đủ. Bên cạnh đó, SV cũng nhận thức rõ các thách thức như nguy cơ phụ thuộc vào AI, khó khăn trong việc kiểm chứng độ chính xác của thông tin và ảnh hưởng tiêu cực đến tư duy sáng tạo. Những phát hiện này cho thấy AI vừa là công cụ hỗ trợ, vừa đặt ra yêu cầu về việc sử dụng một cách có kiểm soát và có phê phán.

Nhìn chung, sự kết hợp giữa dữ liệu định lượng và định tính trong nghiên cứu này cho thấy SV có cái nhìn toàn diện về vai trò hai mặt của AI trong việc phát triển tính tự chủ học tập, bao gồm cả lợi ích và thách thức. Điều này cho thấy việc tích hợp AI vào giáo dục không chỉ dừng lại ở việc cung cấp công cụ, mà còn cần đi kèm với định hướng sử dụng và phát triển năng lực học tập tự chủ một cách bền vững.

4. Kết luận và bình luận

Nghiên cứu này đã làm rõ nhận thức của SV về mối liên hệ giữa công cụ AI đối với tính tự chủ học tập tiếng Anh. Nhìn chung, SV có thái độ tích cực ở mức trung bình khá về vai trò của các công cụ này trong việc hỗ trợ học tập một cách độc lập. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra một số thách thức đáng chú ý, bao gồm sự phụ thuộc quá mức vào AI, khó khăn trong việc kiểm chứng độ chính xác của thông tin và nguy cơ suy giảm tư duy phản biện, cho thấy hiệu quả của AI phụ thuộc vào cách người học sử dụng công cụ. Bên cạnh đó, nghiên cứu vẫn tồn tại một số hạn chế như việc sử dụng mẫu thuận tiện tại một cơ sở giáo dục, dữ liệu tự báo cáo thông qua bảng hỏi có thể dẫn đến sai lệch (response bias) và chưa đo lường được tác động thực tế của AI đến kết quả học tập trong dài hạn. Do đó, các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng phạm vi mẫu trên nhiều trường đại học hoặc các cơ sở giáo dục khác nhau, kết hợp các chỉ số đánh giá khách quan như kết quả học tập hoặc sản phẩm nhiệm vụ và triển khai nghiên cứu dọc (longitudinal studies) để theo dõi sự thay đổi nhận thức của SV về công cụ AI theo thời gian. Về mặt thực tiễn, nghiên cứu gợi ý giảng viên tiếng Anh cần hướng dẫn SV tích hợp AI vào hoạt động tự học có định hướng, như sử dụng AI để hỗ trợ ý tưởng hoặc phân hồi ngôn ngữ nhưng phải tự chỉnh sửa và đánh giá lại sản phẩm, cũng như đối chiếu với các nguồn học thuật đáng tin cậy. Việc thiết kế nhiệm vụ học tập nên tập trung vào giải thích, phản biện và cá nhân hóa nội dung để hạn chế sự thụ động, qua đó phát triển năng lực sử dụng AI một cách có phê phán và có trách nhiệm, góp phần tối đa hóa lợi ích và giảm thiểu các hạn chế của công nghệ này trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay.

Tuyên bố về vai trò của các tác giả: Vương Lý Tố Như: Xây dựng ý tưởng nghiên cứu, thiết kế phương pháp nghiên cứu, thực hiện nghiên cứu và thu thập dữ liệu, phân tích dữ liệu, viết bản thảo ban đầu. Đào Quốc Phương: Trực quan hoá dữ liệu, chỉnh sửa và phân biện bản thảo. Phạm Thanh Tuấn: Giám sát học thuật, phân biện bản thảo.

Tuyên bố về GenAI và Quyền tác giả: Trong quá trình chuẩn bị bản thảo này, các tác giả không sử dụng công cụ AI nào.

Tuyên bố về xung đột lợi ích: Các tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích.

Thông tin tài trợ: Nghiên cứu này không nhận được tài trợ từ bên ngoài.

Tài liệu tham khảo

- Benson, P. (2011). What's new in autonomy. *The Language Teacher*, 35(4), 15-18. <https://doi.org/10.37546/JALTTLT35.4-4>
- Chan, C. K. Y., & Hu, W. (2023). Students' voices on generative AI: perceptions, benefits, and challenges in higher education. *International Journal of Educational Technology in Higher Education*, 20(1), 1-18. <https://doi.org/10.1186/s41239-023-00411-8>
- Chen, L., Chen, P., & Lin, Z. (2020). Artificial intelligence in education: A review. *IEEE Access*, 8, 75264-75278.
- Cohen, J. (1988). Set correlation and contingency tables. *Applied Psychological Measurement*, 12(4), 425-434.
- Crompton, H., & Burke, D. (2023). Artificial intelligence in higher education: the state of the field. *International Journal of Educational Technology in Higher Education*, 20(1), 1-22. <https://doi.org/10.1186/s41239-023-00392-8>
- Davis, F. D. (1989). Perceived Usefulness, Perceived Ease of Use, and User Acceptance of Information Technology. *MIS Quarterly*, 13(3), 319-340. <https://doi.org/10.2307/249008>
- Hair, J. F., Black, W. C., Babin, B. J., & Anderson, R. E. (2010). *Multivariate data analysis*. (7th ed.). Prentice Hall.
- Hmoud, M., Swaity, H., Hamad, N., Karram, O., & Daher, W. (2024). Higher Education Students' Task Motivation in the Generative Artificial Intelligence Context: The Case of ChatGPT. *Information*, 15(1), 33. <https://doi.org/10.3390/info15010033>
- Holec, H. (1981). *Autonomy and foreign language learning*. Pergamon Press.
- Lai, C. (2021). *Autonomous language learning with technology: Beyond the classroom*. Bloomsbury Academic.
- Lê Anh Vinh, Trần Mỹ Ngọc (2024). Tác động của Trí tuệ nhân tạo (AI) đối với hệ thống giáo dục toàn cầu và giáo dục Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 20(5), 1-11.
- Little, D. (2022). Language learner autonomy: Rethinking language teaching. *Language Teaching*, 55(1), 64-73. <https://doi.org/10.1017/S0261444820000488>
- Nguyễn Thị Linh Nga (2025). Trí tuệ nhân tạo trong phản hồi viết tiếng Anh: Một phân tích tổng quan hệ thống (2020 - 2025). *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 21(11), 42-49.
- Pham, N. T. B., & Tran, T. M. (2025). Students' Perceptions of AI Language Models as Virtual Assistants in Learning Writing-A Case Study at a Tertiary Institution. *International Journal of TESOL & Education*, 5(2), 87-115. <https://doi.org/10.54855/ijte.25525>
- Rahmasari, B. S., Munir, A., & Nugroho, H. A. (2025). Fostering learner autonomy in EFL reading: a study of strategy-based instruction at two Indonesian universities. *Cogent Education*, 12(1), 2477367. <https://doi.org/10.1080/2331186X.2025.2477367>
- Ryan, R. M., & Deci, E. L. (2020). Intrinsic and extrinsic motivation from a self-determination theory perspective: Definitions, theory, practices, and future directions. *Contemporary Educational Psychology*, 61, 101860. <https://doi.org/10.1016/j.cedpsych.2020.101860>
- Shi, H., & Aryadoust, V. (2024). A systematic review of AI-based automated written feedback research. *ReCALL*, 36(2), 187-209. <https://doi.org/10.1017/s0958344023000265>
- Teng, L. S., & Zhang, L. J. (2023). Effects of motivational regulation strategies on writing performance: a mediation model of self-regulated learning of writing in English as a second/foreign language. *Metacognition and Learning*, 13(2), 213-240. <https://doi.org/10.1007/s11409-017-9171-4>
- Thao, L. T. M., Minh, H. T., Long, D. T., & Anh, N. T. N. (2025). Integrating AI-Based Feedback into EFL Writing Instruction: A Case Study from a Vietnamese University. *Eurasian Journal of Applied Linguistics*, 11(3), 114-127. <https://doi.org/10.32601/ejal.11311>
- Zhai, X. (2023). ChatGPT for Next Generation Science Learning. *XRDS: Crossroads, The ACM Magazine for Students*, 29(3), 42-46. <https://doi.org/10.1145/3589649>